

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm				So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HDND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HDND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3):(1)	(8)=(3):(2)
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	29.820.000.000	29.820.000.000	52.553.651.073			52.553.651.073	176,24	176,24
I	Chi đầu tư phát triển	17.100.000.000	17.100.000.000	16.140.969.500			16.140.969.500		
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực	17.100.000.000	17.100.000.000	16.140.969.500			16.140.969.500		
1.1	Chi quốc phòng								
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội								
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.100.000.000	2.100.000.000	414.171.000			414.171.000		
1.4	Chi Khoa học và công nghệ								
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
1.6	Chi Văn hóa thông tin								
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn								
1.8	Chi Thể dục thể thao								
1.9	Chi Bảo vệ môi trường			0					
1.10	Chi các hoạt động kinh tế	15.000.000.000	15.000.000.000	15.320.925.500			15.320.925.500		
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			405.873.000			405.873.000		
1.12	Chi Bảo đảm xã hội								
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác								
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công								
3	Chi đầu tư phát triển khác								
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định								
III	Chi thường xuyên	12.122.532.000	12.122.532.000	12.591.315.616			12.591.315.616	103,87	103,87
1	Chi quốc phòng	733.433.000	733.433.000	745.749.000			745.749.000	101,68	101,68
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.381.844.000	1.381.844.000	1.345.269.000			1.345.269.000	97,35	97,35
3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	129.400.000	129.400.000	101.820.000			101.820.000	78,69	78,69
4	Chi Khoa học và công nghệ	0							
5	Chi Y tế, dân số và gia đình	45.000.000	45.000.000	38.171.300			38.171.300	84,83	84,83
6	Chi Văn hóa thông tin	145.500.000	145.500.000	145.500.000			145.500.000	100,00	100,00
7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	43.000.000	43.000.000	87.738.800			87.738.800	204,04	204,04
8	Chi Thể dục thể thao	11.900.000	11.900.000	16.440.000			16.440.000	138,15	138,15
9	Chi Bảo vệ môi trường	337.000.000	337.000.000	242.359.000			242.359.000	71,92	71,92
10	Chi các hoạt động kinh tế	2.311.900.000	2.311.900.000	1.514.333.798			1.514.333.798	65,50	65,50
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	6.217.399.000	6.217.399.000	7.635.881.718			7.635.881.718	122,81	122,81
12	Chi Bảo đảm xã hội	754.256.000	754.256.000	718.053.000			718.053.000	95,20	95,20
13	Chi khác	11.900.000	11.900.000	0					0,00
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	597.468.000	597.468.000						
V	Chi chuyển nguồn			23.821.365.957			23.821.365.957		
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI								
1	Bổ sung cân đối								
2	Bổ sung có mục tiêu								
	Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước								
	- Bằng nguồn vốn ngoài nước								
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			0					
	TỔNG SỐ (A+B+C)	29.820.000.000	29.820.000.000	52.553.651.073			52.553.651.073	176,24	176,24

Ngày 28 tháng 4 năm 2025
GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký tên, đóng dấu)
SỐ 10
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THỊ VÂN

Ngày 28 tháng 4 năm 2025
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Tiến Dưỡng

Ngày 28 tháng 4 năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Tiến